

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

Số: **309**/BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Trà Vinh, ngày **10** tháng **11** năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình kinh tế - xã hội tháng 10, một số công tác trọng tâm tháng 11 năm 2023**

Trong tháng 10, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo, đôn đốc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội còn lại từ nay đến cuối năm theo kế hoạch; chuẩn bị các nội dung dự kiến trình kỳ họp chuyên đề Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X; tổ chức Hội nghị công bố quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục chuyển biến tích cực, khả quan hơn tháng trước: Thu ngân sách, sản xuất công nghiệp, bán lẻ hàng hóa, thành lập mới doanh nghiệp, giải ngân vốn đầu tư công tăng khá so với cùng kỳ; hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cơ bản ổn định; các hoạt động xúc tiến thương mại, phiên chợ hàng Việt về nông thôn, tham gia hội chợ trong nước, các chuyến liên kết thị trường tiêu thụ sản phẩm cơ bản đã hoàn thành theo kế hoạch; phát triển thương mại điện tử tiếp tục được thực hiện thường xuyên, hiệu quả; giải quyết việc làm đạt kết quả cao, đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài vượt chỉ tiêu kế hoạch năm; chỉ tiêu tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100% kế hoạch; tổ chức các hoạt động mừng lễ Sêne Đôlta năm 2023 với tinh thần vui tươi, đầm ấm và đoàn kết; trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo, các loại tội phạm được tập trung triệt phá, ngăn chặn, đẩy lùi. Kết quả thực hiện trên một số ngành, lĩnh vực như sau:

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH**

##### **1. Các cuộc họp, làm việc của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh**

Trong tháng 10, ngoài chỉ đạo điều hành xử lý các công việc thường xuyên theo kế hoạch và chương trình công tác Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì và tham dự 102 cuộc họp, hội nghị; 18 cuộc tiếp và làm việc với Bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp; 25 cuộc kiểm tra, khảo sát thực tế địa phương. Đồng thời, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo một số vấn đề quan trọng như: Chỉ đạo phổ biến, triển khai thực hiện các nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ ban hành quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày

26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ ban hành về việc tiếp tục triển khai thi hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 21/9/2023 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong tình hình mới; Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023 - 2030”; Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 24/2023/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện xác định người bị phơi nhiễm với HIV, người bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp; Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình xây dựng mô hình nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học; Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống kháng thuốc tại Việt Nam giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2023; Quyết định số 1135/QĐ-TTg ngày 28/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dầu khí năm 2022; Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 05/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển thị trường khoa học và công nghệ đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập.

## **2. Ban hành các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh**

Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 12 kế hoạch; 154 Quyết định cá biệt và 909 văn bản hành chính khác. Ngoài ra, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 25 thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tại các cuộc họp, hội nghị với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG THÁNG**

**1. Kết quả thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phá; các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ**

### **1.1. Kết quả thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm**

- Tiếp tục đôn đốc, tạo điều kiện cho nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai 04 dự án điện gió và dự án điện sinh khối, dự án Khu bến cảng tổng hợp Định An, Nhà máy sản xuất Hydro xanh Trà Vinh; hoàn thành 97,1% công tác chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án cầu Đại Ngãi; phối hợp với Ban quản lý dự án 85 – Bộ Giao thông vận tải tổ chức Lễ khởi công dự án cầu Đại Ngãi.

- Sản xuất nông nghiệp có sự chuyển đổi mạnh từ các loại cây trồng, vật nuôi hiệu quả thấp sang các loại cây trồng, vật nuôi hiệu quả kinh tế cao hơn<sup>(1)</sup>; tăng cường áp dụng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao<sup>(2)</sup> và mã số vùng trồng<sup>(3)</sup>. Chuyển đổi mạnh từ nuôi nhỏ lẻ sang nuôi tập trung, chất lượng con giống được cải thiện đáp ứng cho nhu cầu thị trường, các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học được áp dụng phổ biến mang lại hiệu quả cao<sup>(4)</sup>. Tiếp tục thực hiện Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025 (đến nay đã hoàn thành 05/08 tiêu chí tỉnh nông thôn mới).

- Tổ chức 22 lớp bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành cho 1.483 cán bộ, công chức, viên chức<sup>(5)</sup>.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao điểm số và thứ hạng các chỉ số PCI, PAPI, SIPAS, ICT Index, PAR Index. Thành lập Hội đồng thẩm định, ban hành Phương án điều tra, khảo sát, tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch và hướng dẫn chấm điểm, điều tra đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2023.

- Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn cho Thủ tướng Chính phủ và đoàn lãnh đạo Trung ương đến thăm, làm việc với tỉnh<sup>(6)</sup>. Những vấn đề bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân được tập trung giải quyết kịp thời, có hiệu quả. Nhiệm vụ củng cố, xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh đạt 100% theo kế hoạch; không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự.

### 1.2. Kết quả thực hiện 03 nhiệm vụ đột phá

- Triển khai Nghị quyết quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình dự án khác, cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025. Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng đầu tư Khu

<sup>1</sup> Chuyển gần 820 ha từ con nuôi có giá trị kinh tế thấp sang con nuôi có giá trị kinh tế cao (tôm), nâng diện tích nuôi tôm đến nay 33.219 ha (trong đó, nuôi thâm canh mật độ cao 1.040 ha); Có 40 hộ nuôi (diện tích 34,09 ha; 100 ao) trên địa bàn huyện Duyên Hải đăng ký nuôi đối tượng chủ lực và đã được cấp giấy xác nhận đăng ký nuôi.

<sup>2</sup> Toàn tỉnh có 29.760,52 ha diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: sử dụng công nghệ tưới phun bán tự động 9.742 ha, ứng dụng công nghệ nhà lưới và thủy canh 20,11 ha, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và hữu cơ 8.551,41 ha (dừa hữu cơ 5.105,92 ha, lúa hương hữu cơ 2.891,19 ha, rau an toàn 142 ha, cây ăn trái GAP 408,3 ha, nuôi thủy sản GAP 04 ha), nuôi trồng thủy sản thâm canh và siêu thâm canh 11.014 ha; diện tích nuôi nghêu đạt chứng nhận ASC 433 ha và nuôi trồng thủy sản thâm canh và siêu thâm canh 11.014 ha)). Sản xuất và ứng dụng một số công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp đã mang lại hiệu quả đáng kể như nuôi cấy phôi thực vật nhân cây giống sạch bệnh (dừa sập), phân bón nano, hệ thống quan trắc-ứng dụng điện toán đám mây, hệ thống tưới nước tự động, bẫy côn trùng thông minh phục vụ công tác dự tính, dự báo sâu bệnh. Chuyển đổi 1.394 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng màu, trồng cỏ và trồng mới cây ăn trái, trồng dừa; chuyển sang trồng bắp, màu thực phẩm và trồng cỏ 149,34 ha, trồng mới 1.228,48 ha dừa và cây ăn trái (cây ăn trái 489,4 ha, dừa 739,08 ha); nâng cấp cải tạo vườn cây ăn trái 43 ha.

<sup>3</sup> Xây dựng, duy trì được khoảng 60 nhãn hiệu nông sản, cấp 68 mã số vùng trồng, 04 cơ sở đóng gói tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu nông sản của tỉnh và có 214 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP từng bước khẳng định vị thế của sản phẩm trên thị trường.

<sup>4</sup> Toàn tỉnh có 1.041 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm với số lượng 640.100 con (gồm 04 trang trại chăn nuôi heo quy mô lớn, số lượng 7.800 con, 03 trang trại chăn nuôi gia cầm quy mô lớn với số lượng 36.000 con, 65 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô vừa, với 257.707 con, 969 trang trại gia súc, gia cầm quy mô nhỏ với số lượng 338.593 con); có 22 cơ sở chăn nuôi tham gia chuỗi liên kết.

<sup>5</sup> Cụ thể: 03 lớp bồi dưỡng tiếng Anh cho 67 cán bộ, công chức, viên chức; 03 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 250 cán bộ, công chức thuộc nhóm đối tượng 4; 01 lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về phát triển kinh tế nông nghiệp cho 83 công chức; 02 lớp bồi dưỡng kiến thức về công tác bình đẳng giới cho 134 cán bộ, công chức, viên chức; 02 lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cho 176 cán bộ, công chức, viên chức; 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho 26 công chức; 06 lớp tập huấn kỹ số hồ sơ trên Hệ thống một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công của tỉnh (iGate) cho 499 cán bộ, công chức, viên chức; 02 lớp bồi dưỡng công tác thanh niên cho 121 cán bộ, công chức; 02 lớp bồi dưỡng kiến thức cải cách hành chính cho 127 cán bộ, công chức, viên chức.

<sup>6</sup> Trong chuyến công tác tại Trà Vinh (từ ngày 14 - 15/10/2023), Thủ tướng Phạm Minh Chính đã dự lễ công bố quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phát lệnh khởi công cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 qua sông Hậu kết nối hai tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng; khảo sát thực địa tại Khu kinh tế Định An; thăm, chúc mừng Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Trà Vinh nhân dịp Tết Sene Dolta 2023 của đồng bào Khmer; thăm, tặng quà Mẹ Việt Nam Anh hùng Trần Thị Nhựt tại xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần.

Công nghiệp Cổ Chiên. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu triển khai nhanh chính quyền điện tử; hiện có 13 doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bưu chính với tổng số 162 điểm phục vụ<sup>7)</sup>, 100% xã có điểm phục vụ bưu chính, đảm bảo cung cấp dịch vụ cho chuyển đổi số của tỉnh; xây dựng, vận hành 75/106 trang thông tin điện tử xã, phường, thị trấn.

- Theo dõi, đôn đốc tình hình khắc phục sau kiểm tra cải cách hành chính năm 2023 của các cơ quan, đơn vị. Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các khu đất công; toàn tỉnh hiện có 46 khu đất công với tổng diện tích 2.552.300,3m<sup>2</sup> được quản lý chặt chẽ, kiểm tra hiện trạng ranh giới định kỳ, không để xảy ra tình trạng lấn chiếm, sử dụng trái quy định. Triển khai Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023.

- Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất; trong tháng nghiệm thu 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Hỗ trợ 03 doanh nghiệp cập nhật, giới thiệu 06 loại sản phẩm; cập nhật 16 thông tin thị trường trong và ngoài nước, 08 thông tin thị trường trong tỉnh, 08 Mô hình kinh tế và giải pháp kinh tế lên sàn giao dịch thương mại điện tử<sup>8)</sup>.

### 1.3. Kết quả thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia

Tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn, đến ngày 17/10/2023 đã giải ngân 159,110 tỷ đồng/615,825 tỷ đồng, đạt 25,8% (vốn đầu tư 132,964 tỷ đồng/290,963 tỷ đồng, đạt 45,7%; vốn sự nghiệp 26,146 tỷ đồng/324,862 tỷ đồng đạt 8%):

- **Kế hoạch vốn năm 2023:** Giải ngân 104,259 tỷ đồng/468,596 tỷ đồng, đạt 22,2% (vốn đầu tư 104,259/229,245 tỷ đồng, đạt 45,5%; vốn sự nghiệp 239,351 tỷ đồng, chưa giải ngân), trong đó:

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Giải ngân 31,253 tỷ đồng/110,283 tỷ đồng, đạt 28,34% (vốn đầu tư 31,253 tỷ đồng/84,370 tỷ đồng, đạt 37%; vốn sự nghiệp 25,913 tỷ đồng, chưa giải ngân).

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 56,434 tỷ đồng, chưa giải ngân.

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi: Giải ngân 73,006 tỷ đồng/301,879 tỷ đồng, đạt 24,2% (Vốn đầu tư 73,006/141,905 tỷ đồng, đạt 51,4%; Vốn sự nghiệp 159,974 tỷ đồng, chưa giải ngân).

- **Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023:** Giải ngân 54,851 tỷ đồng/147,229 tỷ đồng, đạt 37,3% (vốn đầu tư 28,705 tỷ đồng/61,718 tỷ đồng đạt 46,5%; vốn sự nghiệp 26,146 tỷ đồng/85,511 tỷ đồng đạt 30,6%), trong đó:

<sup>7</sup> Có 51 bưu cục, 83 điểm Bưu điện - Văn hóa xã và 28 điểm phục vụ hình thức khác.

<sup>8</sup> Lũy kế, đã cập nhật, giới thiệu 28 lượt doanh nghiệp/HTX tham gia sàn với trên 60 loại sản phẩm là các sản phẩm OCOP, sản phẩm CNNTTB và sản phẩm đạt chứng nhận khác như sản phẩm an toàn, VietGap, ISO,... cập nhật 320 bản tin, tin ảnh, thông tin lên sàn giao dịch thương mại điện tử.

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Giải ngân 8,807 tỷ đồng/19,160 tỷ đồng, đạt 46,0% (vốn đầu tư 3,322 tỷ đồng/4,538 tỷ đồng, đạt 73,2%; vốn sự nghiệp 5,485 tỷ đồng/14,622 tỷ đồng, đạt 37,5%).

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giải ngân 7,639 tỷ đồng/21,901 tỷ đồng, đạt 35%.

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi: Giải ngân 38,405 tỷ đồng/105,323 tỷ đồng, đạt 36,5% (Vốn đầu tư 25,383 tỷ đồng/56,335 tỷ đồng, đạt 45,1%; Vốn sự nghiệp 13,022 tỷ đồng/48,988 tỷ đồng, đạt 26,6%).

#### 1.4. Kết quả thực Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ

(1) Thực hiện các chính sách thông qua Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh: Kế hoạch năm 2023 giao chính thức thực hiện 02 chương trình<sup>9</sup> là 35 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đến 17/10/2023, có 03 chính sách được tiếp tục giải ngân từ nguồn chuyển tiếp, giao mới và nguồn thu hồi các khoản vay trước với tổng số tiền được giải ngân là 37,21 tỷ đồng cho 660 lượt khách hàng vay; có 100 lượt khách hàng hoàn trả các khoản vay với tổng số tiền 2,34 tỷ đồng. Tổng dư nợ cho vay đến nay đạt 204,49 tỷ đồng với 4.605 lượt khách hàng, cụ thể như sau:

(i) Chính sách Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ: Trong 10 tháng đầu năm 2023 không phát sinh cho vay, thu nợ; dư nợ 140 tỷ đồng (đạt 100% vốn được phân bổ năm 2022) với 3.400 khách hàng.

(ii) Chính sách Cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến và trang trải chi phí học tập: Trong 10 tháng đầu năm cho 02 khách hàng vay 20 triệu đồng; thu hồi 66 triệu đồng từ 20 khách hàng; dư nợ 1,57 tỷ đồng với 154 khách hàng.

(iii) Chính sách Cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ: Kế hoạch vốn năm 2023 là 10 tỷ đồng; trong 10 tháng đầu năm cho 33 khách hàng vay 11,39 tỷ đồng (bao gồm thu hồi 1,39 tỷ đồng) (đạt 100% nguồn vốn); dư nợ 16,33 tỷ đồng với 50 khách hàng vay.

(iv) Chính sách Cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi Covid-19: Trong 10 tháng đầu năm không phát sinh cho vay; thu nợ 93 triệu đồng; dư nợ 387 triệu đồng với 06 khách hàng.

(v) Chính sách Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022: Kế hoạch vốn năm 2023 là 25 tỷ đồng; trong 10 tháng đầu năm giải ngân cho 625 lượt khách hàng vay 25,798 tỷ

<sup>9</sup> (1) Chính sách Cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; (2) Chính sách Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022

đồng (bao gồm thu hồi 798 triệu đồng từ 77 khách hàng), đạt 100% nguồn vốn; dư nợ 46,20 tỷ đồng với 995 khách hàng.

(2) Thực hiện Chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách Nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP: Đã hỗ trợ 06 khách hàng<sup>(10)</sup> tiếp cận vốn vay với doanh số cho vay lũy kế từ đầu chương trình đạt 16,62 tỷ đồng, dư nợ hỗ trợ lãi suất đạt 9,79 tỷ đồng (số tiền lãi hỗ trợ là 0,11 tỷ đồng).

(3) Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, Thủ tướng Chính phủ đã bố trí vốn cho 04 dự án với số vốn 295 tỷ đồng, đến 17/10/2023 giải ngân 225,247 tỷ đồng, đạt 76,4% kế hoạch.

## 2. Tài chính, ngân hàng

Thu ngân sách ước đạt 692,694 tỷ đồng, lũy kế 10 tháng thu 13.059,259 tỷ đồng, đạt 101,3% dự toán, tăng 23,1% so với cùng kỳ<sup>(11)</sup> (thu nội địa 4.771,965 tỷ đồng, đạt 83,7% dự toán, tăng 8% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 878,920 tỷ đồng, đạt 72% dự toán); một số khoản thu tăng khá so với cùng kỳ như: (i) Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài gấp 1,8 lần; (ii) thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh tăng 24,9%; (iii) thu từ hoạt động xổ số kiến thiết tăng 33,8%; (iv) thu khác ngân sách tăng 26,1%. Chi ngân sách 690,874 tỷ đồng, lũy kế 10 tháng chi 7.069,734 tỷ đồng, đạt 59,8% dự toán, tăng 1,8% so với cùng kỳ.

Các tổ chức tín dụng (TCTD) chấp hành tốt việc giảm lãi suất huy động và lãi suất cho vay, điều chỉnh giảm lãi suất huy động từ 0,1-0,3%/năm đối với kỳ hạn 3 tháng trở lên; giảm lãi suất cho vay từ 0,5-1%/năm đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, bất động sản. Ước đến 31/10/2023, tổng vốn hoạt động của các TCTD đạt 48.200 tỷ đồng, tăng 7,4% so với cuối năm 2022, tổng dư nợ cho vay đạt 42.800 tỷ đồng, tăng 11,2% so với cuối năm 2022, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 61%, nợ xấu chiếm 1,36% tổng dư nợ. Các chương trình, chính sách tín dụng tiếp tục được triển khai đến các đối tượng khách hàng<sup>(12)</sup>.

## 3. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

### 3.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng nông thôn mới

Giá các loại nông sản ổn định ở mức cao; diện tích xuống giống lúa Thu Đông cao hơn cùng kỳ và vượt chỉ tiêu kế hoạch; thủy sản tuy có thiệt hại nhưng ở mức thấp và giảm so cùng kỳ, kết quả thực hiện cụ thể như sau:

#### a) Nông nghiệp

##### - Trồng trọt:

+ Thu hoạch 5.892 ha lúa Hè Thu, xuống giống 36.398 ha lúa Thu Đông và 987 ha lúa vụ mùa 2023-2024; lũy kế đến nay tổng diện tích lúa đã gieo sạ đạt 203.144 ha, vượt 0,85% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 2,03% (tương đương 4.043 ha);

<sup>10</sup> Gồm 04 doanh nghiệp và 02 hộ kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ lưu trú, ăn uống.

<sup>11</sup> Tăng so với cùng kỳ do tăng thu nội địa, tăng thu chuyển nguồn cải cách tiền lương, tăng thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, phát sinh mới nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu; nếu loại trừ thu chuyển nguồn 2.758,895 tỷ đồng thì tổng thu 10 tháng đạt 10.300,367 tỷ đồng, tăng 21,8% so với cùng kỳ, đạt 80% dự toán.

<sup>12</sup> Cho vay nông nghiệp, nông thôn: 22.450 tỷ đồng (chiếm 52,5% tổng dư nợ); cho vay xuất khẩu: 670 tỷ đồng; cho vay DNNVV: 5.350 tỷ đồng; tín dụng chính sách 4.156 tỷ đồng...

thu hoạch 131.590 ha, chiếm 64,78% diện tích xuống giống, sản lượng ước đạt 737.671 tấn, năng suất bình quân 5,61 tấn/ha (*thấp hơn cùng kỳ 0,11 tấn/ha*). Do ảnh hưởng mưa lớn đã gây ngập úng 415 ha lúa Thu Đông<sup>(13)</sup> người dân đã khắc phục gieo sạ, dặm, tĩa; đối với rau màu ngập 6,6 ha<sup>(14)</sup> các hộ dân đã khắc phục, chưa ghi nhận thiệt hại.

+ Gieo trồng 2.435 ha cây màu, công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác, lũy kế đầu năm đến nay gieo trồng 48.462 ha<sup>(15)</sup>, đạt 92,16% kế hoạch (*cao hơn cùng kỳ 0,72%, tương đương 345 ha*); thu hoạch 39.205 ha với tổng sản lượng 1.200.182 tấn.

- *Chăn nuôi, thú y*: Bệnh dịch tả heo Châu Phi xuất hiện ở 02 hộ chăn nuôi tại xã Tam Ngãi và xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè<sup>(16)</sup>, đầu năm đến nay dịch bệnh đã xảy ra tại 10 ấp, 09 xã, 05 huyện, thị xã<sup>(17)</sup>, toàn bộ đã được tiến hành tiêu hủy và xử lý đúng định. Ước đến tháng 10/2023, đàn bò 250.260 con (*vuốt 2,15% kế hoạch, tăng 4,48% so với cùng kỳ*); đàn heo 276.794 con (*đạt 98,86% kế hoạch, giảm 1,29% so với cùng kỳ*); đàn gia cầm 6,5 triệu con (*đạt 83,32% kế hoạch, giảm 13% so với cùng kỳ*). Công tác tiêm phòng<sup>(18)</sup>, kiểm dịch<sup>(19)</sup> được tăng cường, thực hiện thường xuyên.

- *Thủy lợi nội đồng, phòng chống thiên tai*: Kiểm tra, vận hành công tiêu thoát nước phục vụ thu hoạch lúa vụ Hè Thu cuối vụ, xuống giống lúa Thu Đông và trồng hoa màu. Đầu năm đến nay đã tổ chức 192 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, kè, phát hiện và xử lý 37 trường hợp vi phạm. Mưa nhiều kèm theo giông lốc làm thiệt hại 04 căn nhà<sup>(20)</sup>, ước tổng thiệt hại 50 triệu đồng, sạt lở 10m đê (*tuyến đê Hồ Tàu - Đông Hải*).

#### b) Lâm nghiệp:

Tổ chức khảo sát khu vực trồng rừng năm 2024; phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Trà Vinh năm 2023 và năm 2024. Tổ chức 117 lượt tuần tra bảo vệ rừng, lũy kế đầu năm đến nay thực hiện 825 lượt tuần tra xử lý 05 trường hợp vi phạm<sup>(21)</sup>. Trồng mới 50 ha rừng<sup>(22)</sup>, vệ sinh phòng cháy 355,45 ha rừng, đạt 100% kế hoạch. Giao khoán bảo vệ 3.348,74/3.490 ha (*đạt 95,95% kế hoạch*)<sup>(23)</sup>.

<sup>13</sup> Huyện Trà Cú 400 ha, huyện Duyên Hải 15 ha.

<sup>14</sup> Tại huyện Tiểu Cần thiệt hại trên cây 04 ha, bắp 02 ha và gây sập dàn dưa leo đang cho trái 0,6 ha huyện Châu Thành

<sup>15</sup> Trong đó: Mầu lương thực 5.430 ha (*đạt 90,96% kế hoạch*); cây thực phẩm 28.363 ha (*đạt 87,07% kế hoạch*); cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 14.669 ha (*vuốt 4,48% kế hoạch*).

<sup>16</sup> Tổng đàn 86 con, số heo mắc bệnh 72 con

<sup>17</sup> Số heo mắc bệnh 272/397 con; tiêu hủy heo bị bệnh, nghi bệnh, chết 378 con (19 con còn lại hộ chăn nuôi tự tiêu hủy và bán trước đó), trọng lượng heo tiêu hủy 15.104 kg.

<sup>18</sup> Vận động tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm 2,63 triệu con (*đạt 44,38% kế hoạch*), lợn mồm long móng 163,44 ngàn con (*đạt 49,71% kế hoạch riêng đàn bò đạt 66,58% kế hoạch*); Viêm da nổi cục 112,33 ngàn con (*đạt 61,06% kế hoạch*), Đại chó 32,81 ngàn liều (*đạt 30,85% kế hoạch*), DTHCP 1,4 con; các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 545,16 ngàn liều (*đạt 77,8% kế hoạch*) và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 3,35 triệu liều.

<sup>19</sup> Đầu năm đến nay đã kiểm dịch 106 033 con heo (*giảm 72.709 con so cùng kỳ*); 23.709 con bò (*tăng 12.552 con*), 1,42 triệu con gia cầm (*tăng 43.625 con*); 436,6 tấn sản phẩm động vật (*tăng 116 tấn*) và kiểm dịch 1,26 tỷ con tôm giống (*tăng 223 triệu con*).

<sup>20</sup> Sập hoàn toàn 01 căn tại ấp Nỗ Pộc, xã Trường Thọ, huyện Cầu Ngang; tốc mái (tối) 02 căn nhà, tốc vách lá 01 căn nhà tại ấp Sóc Cầu, xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần.

<sup>21</sup> 01 trường hợp gây thiệt hại 126m<sup>2</sup> rừng sản xuất, chủng loại Đước tại Nhà Mát xã Trường Long Hòa thị xã Duyên Hải; 01 trường hợp phá rừng trái pháp luật làm thiệt hại 264m<sup>2</sup> chủng loại Mắm, Đước, rừng trồng năm 1999, thuộc loại rừng sản xuất tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh; 01 vụ vi phạm thiệt hại 492m<sup>2</sup> rừng sản xuất, chủng loại Đước tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. 01 vụ phá rừng trái pháp luật làm thiệt hại 72m<sup>2</sup> rừng phòng hộ tại ấp Đình Cũ, xã Long Khánh, huyện Duyên Hải. Trong tháng 10, phát sinh 01 trường hợp vi phạm luật lâm nghiệp (mua bán động vật hoang dã, động vật rừng trái phép) đã xử lý theo quy định.

<sup>22</sup> Gồm: 39,5 ha rừng Đước đôi và 10 ha rừng Bần chua và 0,5 rừng phi lao.

<sup>23</sup> Diện tích không đạt so với kế hoạch là do rừng bị sạt lở làm giảm diện tích giao khoán rừng.

*c) Thủy sản:*

Thực hiện tốt công tác giám sát và chuyển giao khoa học kỹ thuật phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, từng bước cơ cấu lại con nuôi, lịch thả giống thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổng diện tích nuôi thủy sản trong tháng đạt 1.460 ha, lũy kế 10 tháng thả nuôi 58.782 ha, vượt 12,82% kế hoạch, tăng 2,28% so với cùng kỳ (*trương đương 1.308 ha*). Diện tích thả nuôi một số con nuôi chủ lực đạt khá như: Nuôi tôm sú 24.060 ha, vượt 23,39% kế hoạch; nuôi tôm thẻ chân trắng 7.072 ha (*trong đó có 1.040 ha nuôi thâm canh mật độ cao*), đạt 85,21% kế hoạch; nuôi cua biển 22.626 ha, vượt 13,13% kế hoạch; nuôi tôm càng xanh 2.086 ha, vượt 39,10% kế hoạch.

Tổng sản lượng thủy hải sản trong tháng 18.656 tấn, lũy kế 10 tháng đạt 211.232 tấn, đạt 86,38% kế hoạch, tăng 12,27% so với cùng kỳ. Toàn tỉnh có 880 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 115.367 KW; 100% tàu cá đang hoạt động đã được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, sản lượng khai thác 10 tháng đầu năm đạt 44.180 tấn, tăng 9,52% so với cùng kỳ, tăng cả khai thác biển và khai thác nội địa<sup>(24)</sup>.

*d) Xây dựng nông thôn mới:*

- Tích cực vận động, tuyên truyền trong nhân dân quyết tâm thực hiện hiệu quả, thực chất xây dựng nông thôn mới; tập trung chỉ đạo thực hiện nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; kết quả thực hiện ở 03 cấp như sau:

+ *Cấp tỉnh:* Hoàn thành 05/08 tiêu chí<sup>(25)</sup>.

+ *Cấp huyện:* Kết quả huyện Trà Cú tự đánh giá đến nay đạt 9/9 tiêu chí, đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Trung ương thẩm định. Huyện Cầu Kè, huyện Tiểu Cần đạt 5/9 tiêu chí<sup>(26)</sup> huyện nông thôn mới nâng cao, đầu tháng 11 sẽ đạt và hoàn chỉnh hồ sơ trình Trung ương xem xét công nhận.

+ *Cấp xã:* Có 85/85 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 38 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 03 xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- *Chương trình OCOP:* Công nhận 06 sản phẩm OCOP, đầu năm đến nay công nhận và tái công nhận 30 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP, nâng tổng số hiện nay trên địa bàn tỉnh có 214 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP<sup>(27)</sup>. Vận động, hướng dẫn các chủ cơ sở, doanh nghiệp, HTX tham gia chương trình OCOP; hỗ trợ xúc tiến thương mại các sản phẩm OCOP đã được công nhận tại thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ. Tiếp tục theo dõi tiến độ triển khai Dự án chuỗi giá trị Mật Hoa dừa.

### 3.2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tương đối thuận lợi, tăng trưởng khá so với tháng trước và cùng kỳ, trong đó: Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 2,5% so với tháng trước, lũy kế 10 tháng tăng 23,7% so với cùng kỳ; giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 3.046,93

<sup>24</sup> Trong đó: Khai thác biển 37.956 tấn, tăng 9,38% (tăng 3.256 tấn); Khai thác nội địa 6.224 tấn tăng 10,34% (tăng 583 tấn)

<sup>25</sup> Gồm: tiêu chí số 02, 04, 05, 06 và 07 theo Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; còn tiêu chí 01, 03 và 08 chưa đạt.

<sup>26</sup> Các tiêu chí đã đạt: 1, 2, 3, 4, 9. Địa phương đang khẩn trương thực hiện quyết liệt các tiêu chí chưa đạt: 5, 6, 7, 8.

<sup>27</sup> Gồm: 06 sản phẩm tiềm năng 6 sao; 03 sản phẩm 5 sao, 38 sản phẩm 4 sao, 167 sản phẩm 3 sao.



tỷ đồng, lũy kế 10 tháng đạt 29.208,92 tỷ đồng, đạt 86,3% kế hoạch, tăng 11,7% so với cùng kỳ. Cả 04 lĩnh vực sản xuất công nghiệp đều tăng so với cùng kỳ, trong đó: (i) Công nghiệp khai khoáng tăng 14,7%; (ii) Công nghiệp chế biến, chế tạo<sup>(28)</sup> tăng 6,9%; (iii) Công nghiệp sản xuất, phân phối điện, nước nóng, hơi nước tăng 16,3% (tổng sản lượng điện sản xuất đến nay đạt 13,003 tỷ kWh (trong đó nhiệt điện 12,043 tỷ kWh; điện gió, điện mặt trời 0,960 tỷ kWh) đạt 103,1% kế hoạch, tăng 34,2% so với cùng kỳ, tương đương 3,311 tỷ kWh); (iv) Công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,5%.

Công nhận kết quả bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Trà Vinh lần thứ VI năm 2023 đối với 57 sản phẩm, bộ sản phẩm của 43 cơ sở công nghiệp nông thôn. Nghiệm thu 03 đề án<sup>(29)</sup> hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất, lũy kế, đến nay đã tổ chức nghiệm thu 07/15 đề án, với tổng kinh phí thực hiện trên 2,07 tỷ đồng.

Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng và phát triển năng lượng tái tạo; đầu năm đến nay phát triển mới 26,76 km đường dây trung thế, 10,82km đường dây hạ thế, 269 trạm biến áp; tỷ lệ hộ sử dụng điện đến nay đạt 99,6% tổng số hộ dân toàn tỉnh (đạt 100% kế hoạch).

### 3.3. Thương mại - dịch vụ

Ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng “Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam” năm 2024 trên địa bàn tỉnh. Triển khai kế hoạch tổ chức Hội chợ, Kế hoạch tổ chức Chợ khởi nghiệp trong khuôn khổ Hội chợ Xúc tiến Thương mại, sản phẩm Công nghiệp nông thôn và OCOP gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh 2023. Sức mua trong dân tăng cao, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong tháng ước đạt 4.789,16 tỷ đồng, lũy kế 10 tháng đạt 46.693,79 tỷ đồng, đạt 89% so với kế hoạch, tăng 20,7% so với cùng kỳ, trong đó: (i) Bán lẻ hàng hóa tăng 22,3%; (ii) Lưu trú, ăn uống tăng 16,7%; (iii) dịch vụ khác tăng 18,1% và (iv) du lịch gấp 02 lần cùng kỳ.

### 3.4. Xúc tiến đầu tư<sup>(30)</sup>; xúc tiến thương mại; hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp<sup>(31)</sup>; kinh tế tập thể, hợp tác xã

Quan tâm hỗ trợ, kết nối giao thương cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất: 47 lượt đơn vị, doanh nghiệp tham gia và gửi sản phẩm trưng bày tại các kỳ hội chợ, hội nghị kết nối tại các tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Lào Cai, Ninh Bình, Lai Châu, và Hà Nội; tham gia Hội chợ triển lãm sản phẩm kinh tế - quốc phòng Việt Nam – Campuchia 2023 (VIDEX 2023) tại Campuchia; vận động hơn 25 doanh nghiệp tham gia trưng bày hơn 50 loại sản phẩm tại Hội chợ Triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu khu vực phía Nam năm 2023 tại Hậu Giang.

<sup>28</sup> Một số sản phẩm tăng so với cùng kỳ như: túi xách các loại tăng 23,9%; thảm dệt các loại tăng 19,9%; bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô tăng 8,1%; nước sinh hoạt tăng 5,7%; thuốc viên các loại tăng 2,6% ..

<sup>29</sup> “Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong chế biến ớt” của Hợp tác xã Nông nghiệp hữu cơ Ngũ Lạc- Ấp Rọ Say, xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. “Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất bánh ngọt” của Hộ kinh doanh Vinh Xương – Số 118/7 Độc Lập, Khóm 2, Phường 3, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. “Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất dưa chua” của Hộ kinh doanh Cơ sở sản xuất dưa chua sạch Phương Huỳnh – Số 129, Điện Biên Phủ, Khóm 7, Phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

<sup>30</sup> Đến nay, toàn tỉnh có 378 dự án còn hiệu lực, trong đó có 38 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 2,99 tỷ USD và 339 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 163,81 nghìn tỷ đồng.

<sup>31</sup> Đến nay có 4.584 doanh nghiệp, vốn đăng ký 64.373 tỷ đồng, 92.529 lao động (hiện có 2.877 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 54.602 tỷ đồng, 68.474 lao động) trong đó có 44 doanh nghiệp FDI.

Tổ chức họp mặt doanh nghiệp, doanh nhân vượt khó giai đoạn 2022 - 2023 với hơn 200 doanh nghiệp, doanh nhân tham dự. Tiếp và làm việc với 07 nhà đầu tư; cấp chủ trương đầu tư 01 dự án<sup>(32)</sup> với tổng vốn đầu tư 44,93 tỷ đồng; từ đầu năm đến nay cấp chủ trương/giấy chứng nhận đầu tư 10 dự án (*tăng 04 dự án so với cùng kỳ*), trong đó có 09 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư 930,611 tỷ đồng và 01 dự án<sup>(33)</sup> nước ngoài với tổng vốn đầu tư 2,5 triệu USD.

Thành lập mới 33 doanh nghiệp, tạm dừng hoạt động 07 doanh nghiệp, 03 doanh nghiệp hoạt động trở lại, giải thể 08 doanh nghiệp; lũy kế 10 tháng thành lập mới 461 doanh nghiệp<sup>(34)</sup>, đạt 88,65% kế hoạch, có 05 huyện đạt và vượt chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp được giao<sup>(35)</sup>, tạm ngừng hoạt động 131 doanh nghiệp, hoạt động trở lại 67 doanh nghiệp, giải thể 95 doanh nghiệp. So với cùng kỳ, số thành lập mới tăng 43 doanh nghiệp, giải thể giảm 23 doanh nghiệp; đăng ký giao dịch qua mạng đạt gần 100% tổng số hồ sơ.

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền về kinh tế tập thể, hợp tác xã trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh<sup>(36)</sup>; các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, tập huấn cho cán bộ quản lý HTX được thực hiện thường xuyên<sup>(37)</sup>. Thành lập mới 02 HTX<sup>(38)</sup>, giải thể 03 HTX<sup>(39)</sup>, lũy kế đến nay thành lập mới 11 HTX (*đạt 110% kế hoạch*), giải thể 15 HTX; nâng tổng số toàn tỉnh hiện có 165 HTX<sup>(40)</sup> và 01 Liên hiệp HTX đang hoạt động.

### 3.5. Đầu tư xây dựng cơ bản, công tác quy hoạch

Tổng kế hoạch vốn năm 2023 là 4.760,967 tỷ đồng, đến ngày 17/10/2023, giải ngân 2.543,116 tỷ đồng, đạt 53,4% kế hoạch (*cùng kỳ giải ngân đạt 52% kế hoạch*)<sup>(41)</sup>. Trong đó: (i) Vốn giao đầu năm giải ngân 2.354,605 tỷ đồng/kế hoạch 4.463,233 tỷ đồng, đạt 52,8% kế hoạch; (ii) Vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 giải ngân 64,026 tỷ đồng/kế hoạch 132,22 tỷ đồng, đạt 48,4%; (iii) Kế hoạch vốn năm 2023 giao bổ sung giải ngân 124,485 tỷ đồng/kế hoạch 165,514 tỷ đồng, đạt 75,2%.

Tổ chức Hội nghị công bố: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã Tân An, huyện Càng Long đạt chuẩn đô thị loại V. Tiếp tục triển khai điều chỉnh Quy hoạch Khu Kinh tế Định An đến năm 2040; phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Trà Vinh (*mở rộng*) đến năm 2040. Tập trung hoàn thiện Chương trình phát triển đô thị thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải, đô thị Tiểu Cần, Càng Long, Cầu Ngang; tiếp tục lập quy hoạch chung thị trấn Càng Long mở rộng, thị trấn Cầu Ngang mở rộng.

<sup>32</sup> Nhà máy sản xuất các sản phẩm nông nghiệp sinh thái của Cty Cổ phần công nghệ GHL trong KCN Long Đức.

<sup>33</sup> Dự án Dự án gia công các mặt hàng giấy dếp Công ty TNHH Tera Surplus Việt Nam của

<sup>34</sup> Trong đó: hình thức Công ty TNHH 1 thành viên chiếm 76,8%; doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 12,4%

<sup>35</sup> Gồm: huyện Duyên Hải (đạt 140%), huyện Trà Cú (đạt 108,57%), huyện Cầu Kè (đạt 105%), huyện Châu Thành (đạt 102,86%) và huyện Tiểu Cần (đạt 100%).

<sup>36</sup> Đầu năm đến nay đã tổ chức được 31/30 cuộc với 1.433 lượt người tham dự, đạt 103% so với kế hoạch đề ra trong năm.

<sup>37</sup> Tư vấn về tài chính kế toán cho 03 HTX; hỗ trợ văn kiện đại hội cho 02 HTX; tư vấn hỗ trợ hoạt động, hỗ trợ xin thuê đất,...

<sup>38</sup> HTX được liệu TRAVI, ấp Lưu Cừ 1, xã Lưu Nghiệp Anh, Huyện Trà Cú với 9 thành viên, vốn điều lệ 20 tỷ đồng; HTX chăn nuôi Thuận Phát ấp Nhà Dưa, xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành với 26 thành viên, vốn điều lệ 228 triệu đồng.

<sup>39</sup> HTX NN Đại Phát Lợi, xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải; HTX Chăn nuôi Đoàn Kết, xã Hâm Giang, huyện Trà Cú; HTX NN Dân Thành, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải

<sup>40</sup> Trong đó: 120 HTX Nông nghiệp, 29 HTX phi nông nghiệp, 16 Quy tín dụng nhân dân với vốn điều lệ 175,282 tỷ đồng với 28.545 thành viên.

<sup>41</sup> Số vốn giải ngân tuyệt đối cao hơn cùng kỳ 360,222 tỷ đồng.

## **4. Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ**

### **4.1. Giáo dục và đào tạo**

Công nhận 03 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia<sup>(42)</sup>. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo khen thưởng, biểu dương 04 nhà giáo và 01 cán bộ quản lý cơ sở giáo dục xuất sắc, tiêu biểu năm 2023. Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp năm học 2023-2024, Hội nghị tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên về công tác phổ cập giáo dục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023. Hoàn thành tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh<sup>(43)</sup>.

### **4.2. Khoa học và công nghệ**

Nghiệm thu 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh<sup>(44)</sup>; giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở<sup>(45)</sup>. Cấp 03 giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X-quang trong y tế<sup>(46)</sup>; cấp 05 chứng chỉ nhân viên bức xạ<sup>(47)</sup>. Kiểm định 4.164 phương tiện đo<sup>(48)</sup>. Tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức về xây dựng và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa. Tham dự Sự kiện kết nối Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam năm 2023 tại Quảng Ninh.

## **5. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác**

### **5.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm**

Tổ chức phiên giao dịch việc làm, tư vấn cho 846 lao động, tạo việc làm cho 1.190 lao động, đưa 56 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; lũy kế 10 tháng, tạo việc làm 22.911 lao động, đạt 99,6% kế hoạch, đưa 935 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đạt 103,8% kế hoạch. Trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 617 lao động, lũy kế 10 tháng trợ cấp cho 8.035 trường hợp với số tiền chi trả trên 134 tỷ đồng. Tổ chức 03 lớp tập huấn nghiệp vụ về chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại 03 doanh nghiệp; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại 15 doanh nghiệp.

Ban hành đơn giá dịch công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đối với đào tạo nghề lái xe ô tô hạng B2 trình độ sơ cấp. Cấp giấy phép bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp cho Trường trung cấp Âu Việt (Hồ Chí Minh) liên kết đào tạo tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Càng Long, huyện Trà Cú và thị xã Duyên Hải. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức tư vấn tuyển sinh trình độ nghề các cấp cho 901

<sup>42</sup>Trường Tiểu học Trần Văn Ân (đạt lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2), trường THCS thị trấn Tiểu Cần (đạt chuẩn quốc gia mức độ 2); trường THCS Trần Phú, thành phố Trà Vinh (đạt chuẩn quốc gia mức độ 1)

<sup>43</sup>Bộ Giáo dục và Đào tạo Phê duyệt tại Quyết định số 3171/QĐ-BGDĐT ngày 13/10/2023.

<sup>44</sup>Đề tài "Nghiên cứu chế tạo chế phẩm nano chitosan/salicylic có tác dụng kháng bệnh trên một số cây trồng chủ lực của tỉnh Trà Vinh theo hướng sản xuất nông sản an toàn bền vững".

<sup>45</sup>(1) Trồng thử nghiệm cây Chà là (*Phoenix dactylifera*) cây mô xen cây Lưu đồ (*Puni cagranatum L.*) tại một số địa bàn của tỉnh Trà Vinh; (2) Trồng thử nghiệm một số giống táo (*Ziziphus mauritiana*) trong nhà lưới kết hợp sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước tại tỉnh Trà Vinh.

<sup>46</sup>phòng chụp X-quang ngoài giờ CN, Tô Văn Trực; Trung tâm Y tế huyện Châu Thành và Trung tâm Y tế thành phố Trà Vinh.

<sup>47</sup> Nguyễn Thanh Tú (BV Đa khoa Thiên Ân); Lâm Ngọc Tâm; Nguyễn Minh Luân; Huỳnh Văn Tiểu; Lê Hào Hân.

<sup>48</sup>gồm: đồng hồ đo nước lạnh, công tơ đo điện 1 pha, cân kỹ thuật, cân phân tích, cột đo xăng dầu, cân thông dụng, huyết áp kế, Taximet.

người, nâng tổng số 10 tháng đã tổ chức tuyển sinh, dạy nghề 15.668 người<sup>(49)</sup>, đạt 82,4% kế hoạch.

## 5.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Giải quyết chế độ chính sách cho 44 trường hợp người có công với cách mạng<sup>(50)</sup>; lũy kế 10 tháng giải quyết chính sách 539 trường hợp. Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 12 trường hợp. Tiếp tục triển khai xây dựng 10 căn nhà tình nghĩa do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Trà Vinh tài trợ năm 2023.

## 5.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

Chi trả trợ giúp xã hội cho 40.571 đối tượng với số tiền 22,4 tỷ đồng; mở tài khoản thanh toán cho 4.507 đối tượng, nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh có 28.308 đối tượng thụ hưởng chính sách đã được mở tài khoản<sup>(51)</sup>. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh ủng hộ tiền và hiện vật trị giá trên 1,5 tỷ đồng, hỗ trợ cho 13.497 lượt đối tượng.

Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh<sup>(52)</sup>; đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở cho 475 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo từ nguồn Quỹ An sinh xã hội tỉnh<sup>(53)</sup>. Tổ chức 07 lớp tập huấn nghiệp vụ điều tra, rà soát cho Ban Chỉ đạo cấp huyện, cấp xã trên địa bàn các huyện Càng Long, Cầu Kè, Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh; đôn đốc các địa phương đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023<sup>(54)</sup>.

## 5.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em, công tác thanh niên

Thăm, tặng quà gia đình chính sách, cán bộ hưu trí và các chùa Phật giáo Nam tông Khmer nhân dịp Lễ Sêne Đôlta năm 2023. Rà soát điều chỉnh nguồn vốn kế hoạch năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình<sup>(55)</sup>; kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình tại các xã Song Lộc, Đa

<sup>49</sup> Trong đó: Trình độ cao đẳng 799 học viên; trình độ trung cấp 383 học viên; trình độ sơ cấp 1.522 học viên; đào tạo dưới 03 tháng 2.311 học viên; đào tạo chuyển giao khoa học kỹ thuật, bồi dưỡng kỹ năng cho 5.897 người; kèm cặp nghề, tập nghề, truyền nghề trong doanh nghiệp cho 4.756 lao động. Số sinh viên đã tốt nghiệp là 531 người (trong đó: trình độ cao đẳng 446 sinh viên, trình độ trung cấp 85 học sinh).

<sup>50</sup> Chế độ thờ cúng liệt sĩ 30 trường hợp, chế độ mai táng phí 14 trường hợp.

<sup>51</sup> Ngân hàng Viettinbank đã phát hành 2.895 thẻ ATM; cấp phát đợt 1 được 1.449 thẻ, đang tiếp tục cấp phát đợt 2.

<sup>52</sup> Tính đến cuối tháng 9/2023, đã hỗ trợ cho 4.719 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vay vốn phát triển sản xuất với số tiền 238 tỷ đồng; hỗ trợ 130.079 thẻ bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, người thuộc hộ có mức sống trung bình làm nghề nông, lâm, ngư, diêm nghiệp với số tiền 101,7 tỷ đồng; cấp thẻ BHYT cho 6.320 người theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh; giải ngân cho 105 hộ vay vốn xây dựng nhà ở theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 31/7/2023 của HĐND tỉnh với số tiền 5,24 tỷ đồng.

<sup>53</sup> Kết quả đến nay có 469 hộ đã hoàn thành 100% công trình, 02 hộ có tiến độ xây dựng đạt trên 80% trở lên và 04 hộ nghèo bổ sung của huyện Trà Cú đã hoàn thành phần móng nhà đang xây dựng các phần còn lại.

<sup>54</sup> Tiến độ rà soát của các huyện tính đến ngày 10/10/2023: Huyện Cầu Kè 17,96%; huyện Châu Thành 10,46%; huyện Duyên Hải 13,72%; huyện Tiểu Cần 12,65%; huyện Trà Cú 32,71%; thị xã Duyên Hải 0,86% và các huyện Càng Long, Cầu Ngang và Thành phố Trà Vinh mới tổ chức giao phiếu về cho Ban chỉ đạo cấp xã, lực lượng điều tra viên mới bắt đầu triển khai công tác rà soát theo quy trình.

<sup>55</sup> Đến nay, đã hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho 863 hộ (trong đó: hỗ trợ đất ở cho 8 hộ, hỗ trợ nhà ở cho 690 hộ; hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề cho 131 hộ, hỗ trợ nước sinh hoạt 34 hộ); giải ngân 595 hộ vay vốn theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP với số tiền 23.895 triệu đồng. Thi công 88/91 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu và duy tu, bảo dưỡng; đầu tư xây dựng, cải tạo 4/6 công trình chợ. Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS, đã huy động được 83 lớp, 1.435 học viên và 78 giáo viên tham gia. Tổ chức 28 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc; 34/56 lớp đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp. Tổ chức hội nghị Biểu dương với 480 đại biểu người có uy tín; đưa người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh, thành và Thủ đô Hà Nội; thăm, tặng quà người có uy tín nhân dịp lễ, tết.

Lộc (Châu Thành); Phương Thạnh (Càng Long). Tổ chức Đại hội Đại biểu Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Trà Vinh lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2023-2028.

Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo tại 04 huyện, thành phố và 08 xã, phường<sup>(56)</sup>. Các tôn giáo hoạt động đúng quy định của pháp luật và làm tốt công tác thiện nguyện<sup>(57)</sup> với số tiền trên 700 triệu đồng. Tổ chức hoạt động vui Tết Trung thu năm 2023 cho 218 em học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có kết quả học tập tốt trên địa bàn tỉnh, các em ở Trung tâm Bảo trợ xã hội<sup>(58)</sup>.

Ban hành Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”; tổ chức 02 lớp bồi dưỡng kiến thức về công tác bình đẳng giới cho 134 cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2023.

Triển khai thực hiện Đề án “Phát hiện, bồi dưỡng và phát huy tài năng trẻ Việt Nam giai đoạn 2022-2030” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; tổ chức 02 lớp bồi dưỡng công tác thanh niên cho 121 cán bộ, công chức.

### 5.5. Chăm sóc sức khỏe Nhân dân; công tác phòng, chống dịch Covid-19

Tiếp tục tiêm vắc xin phòng Covid-19 theo phân bổ của Bộ Y tế, đến ngày 09/10/2023 tỷ lệ tiêm vắc xin phòng Covid – 19 toàn tỉnh đạt 99,99%<sup>(59)</sup>; trong tháng không phát hiện ca mắc mới.

Tổng lượt khám chữa bệnh trong tháng 139.924 lượt<sup>(60)</sup>; phát hiện và xử lý 37 ổ dịch<sup>(61)</sup>, 61 ca sốt xuất huyết<sup>(62)</sup>; 347 ca bệnh tay chân miệng<sup>(63)</sup>; 8.839 ca bệnh viêm kết mạc cấp; phát hiện mới 03 người nhiễm HIV<sup>(64)</sup>. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, đến nay tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 90,69%. Tiếp tục triển khai thực hiện các Đề án: (i) Phát triển giường bệnh từ 200 giường lên 260 giường của Trung tâm Y tế huyện Trà Cú, (ii) Nâng giường bệnh từ 600 giường lên 900 giường của Bệnh viện Đa khoa tỉnh, (iii) Nâng cao năng lực Khám chữa bệnh – Răng hàm mặt và dự phòng bệnh răng miệng cộng đồng giai đoạn 2021-2030 (Đề án 5628) tại tỉnh Trà Vinh. Triển khai các nội dung hợp tác<sup>(65)</sup> giữa Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh và Sở Y tế tỉnh Trà Vinh.

<sup>56</sup> Đến nay đã hoàn thành kiểm tra 07 huyện, thị xã, thành phố và 14 xã, phường, thị trấn theo kế hoạch.

<sup>57</sup> Cụ thể: Xây dựng cầu, đường giao thông nông thôn, nhà tình thương và tặng quà cho các cháu thiếu nhi “Vui Tết Trung thu”.

<sup>58</sup> Tổ chức nhiều hoạt động sôi nổi như: Hội thi làm lồng đèn “Lồng đèn thấp sáng ước mơ”; vẽ tranh “Ước mơ đêm Trung thu”; hóa trang, kể chuyện “Kể chuyện dưới trăng”; trò chơi dân gian “Vui trung thu”; trưng bày mâm cỗ “Mâm cỗ đón trăng”; lễ hội rước đèn Tháng tám; viếng Đền thờ Bác tại xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh; chương trình Trung thu cho em “Lồng đèn thấp sáng ước mơ”. Tặng 188 phần quà bánh trung thu và lồng đèn, Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam vận động Công ty Acecook hỗ trợ 30 suất học bổng cho các em có hoàn cảnh khó khăn trị giá 30 triệu đồng.

<sup>59</sup>Trong đó: (i) người từ 18 tuổi trở lên mũi 1 đạt 100,64%; mũi 2 đạt 99,45%; mũi 3 đạt 91,27%; mũi 4 tiêm đạt 38,18%; (ii) tiêm cho trẻ em từ 12-17 tuổi: mũi 1 đạt 103,6%; mũi 2 đạt 100,6%; mũi 3 đạt 73,3%; (iii) tiêm cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi: mũi 1 đạt 112,2%; mũi 2 đạt 98,33%

<sup>60</sup>Lũy kế 1.333.557 lượt, đạt 104,2%.

<sup>61</sup>Giảm 11 ổ dịch

<sup>62</sup>Giảm 25 ca.

<sup>63</sup>Tăng 217 ca.

<sup>64</sup>Lũy kế đến ngày 04/10/2023, số người nhiễm HIV được phát hiện là 2.802 (trong tỉnh là: 2.778 người); số người chuyển sang bệnh AIDS là 1.718 người; số người tử vong vì HIV/AIDS là 1.186 người.

<sup>65</sup>Bệnh viện Nhân dân Gia Định hợp tác, hỗ trợ toàn diện cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng khám, chữa bệnh; Bệnh viện Nhân dân 115 hợp tác, hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật về điều trị đột quỵ cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh; Bệnh viện Từ Dũ và Bệnh viện Nhi đồng 1 hợp tác, hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật theo đề nghị của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Trà Vinh và hỗ trợ ngành Y tế tỉnh Trà Vinh thành lập mạng lưới sản – nhi; Bệnh viện Phục hồi chức năng và Điều trị bệnh nghề nghiệp TP.HCM hợp tác, hỗ trợ thành lập Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Trà Vinh; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh tăng cường hợp tác với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Trà Vinh trong việc liên thông kết quả điều tra, giám sát dịch bệnh; chuyển giao kỹ thuật về xét nghiệm phục vụ công tác phòng, chống dịch

## 5.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

Tổ chức trưng bày hình ảnh các giáo dục truyền thống cho học sinh thông qua di sản văn hóa. Tu bổ, sửa chữa di tích lịch sử Bến tiếp nhận vũ khí Cồn Tàu, di tích Địa điểm khảo cổ Bờ Lũy - chùa Lò Gạch. Xếp hạng Chùa Ô Chúc là di tích cấp tỉnh<sup>(66)</sup>. Triển khai Kế hoạch tổ chức Liên hoan Ban Vận động xây dựng ấp - xóm văn hóa tiêu biểu; Kế hoạch tổ chức Ngày hội Gia đình văn hóa tiêu biểu các tỉnh, thành phố miền Tây Nam bộ lần thứ IV năm 2023. Tập huấn công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và gia đình năm 2023 trên địa bàn huyện Càng Long, Tiểu Cần, Cầu Kè. Đăng cai môn Bi sắt Đại hội Thể thao đồng bằng sông Cửu Long lần thứ IX - Hậu Giang và giải Bóng chuyền hơi Trung cao tuổi khu vực phía Nam năm 2023 tại Trà Vinh; giải Vô địch Thể dục Dưỡng sinh tỉnh Trà Vinh năm 2023<sup>(67)</sup>. Các đội tuyển tham gia các giải thể thao quốc gia và khu vực đạt 47 huy chương các loại. Tập huấn hướng dẫn viên cơ sở về Chương trình bơi an toàn phòng, chống đuối nước. Trong tháng có 179.528 lượt khách tham quan và lưu trú (*giảm 6,4% so tháng trước*), công suất phòng bình quân đạt 63% (*giảm 5%*), tổng doanh thu 140 tỷ đồng (*giảm 10,8%*)<sup>(68)</sup>.

## 6. Tài nguyên và môi trường

Tổ chức lấy ý kiến Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện; thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của 04 huyện Càng Long, Châu Thành, Tiểu Cần, thành phố Trà Vinh. Phê duyệt Kế hoạch phát triển mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; phê duyệt 05 báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU và Kế hoạch số 04/KH-UBND trên địa bàn các huyện Càng Long, Châu Thành, Trà Cú và thị xã Duyên Hải; công tác bảo vệ môi trường tại Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Trà Vinh.

## 7. Thông tin và truyền thông

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, đồng thuận của xã hội, chuyển thăm và làm việc của Thủ tướng Chính phủ và đoàn công tác tại tỉnh.

Chỉ đạo chỉnh trang, bó gọn hệ thống cáp viễn thông, cáp truyền hình, đến nay hoàn thành chỉnh trang 17/26 tuyến đường trên địa bàn thành phố Trà Vinh và hơn 260km trên địa bàn các xã, thị trấn. Thực hiện tốt công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin; thường xuyên kiểm tra, rà soát, khắc phục lỗ hổng bảo mật trong các sản phẩm Microsoft; phát hiện 17 cảnh báo từ hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC). Hoàn thành kết nối kho dữ liệu tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công tỉnh với Kho dữ liệu tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số của tỉnh năm 2023. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các

<sup>66</sup> Nâng tổng số toàn tỉnh có 55 di tích được xếp hạng (16 di tích cấp quốc gia, 39 di tích cấp tỉnh).

<sup>67</sup> Kết quả, BTC trao 32 HCV, 32 HCB, 32 HCD, giấy chứng nhận và tiền thưởng cho các đơn vị đạt giải.

<sup>68</sup> Lũy kế 10 tháng, có trên 1,921 triệu lượt khách tham quan, với doanh thu trên 1.527 tỷ đồng

hoạt động của cơ quan nhà nước, 88% văn bản được ký số điện tử; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp<sup>(69)</sup> được tăng cường.

## 8. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Ban hành Phương án điều tra, khảo sát đánh giá Chỉ số cải cách hành chính; tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính và hướng dẫn chấm điểm, điều tra đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2023. Thông báo thời gian điền phiếu điều tra, khảo sát qua email công vụ và triển khai thực hiện phần mềm tự chấm điểm Bộ tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thanh tra hành chính thực hiện 20 cuộc<sup>(70)</sup>, kết luận thanh tra 03 cuộc; kiến nghị thu hồi 141,5 triệu đồng, kỷ luật 02 cá nhân, kiểm điểm rút kinh nghiệm 03 cá nhân; thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 31 cuộc và 233 lượt tuần tra, kiểm tra với 41 tổ chức và 128 cá nhân, qua đó phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính 11 trường hợp<sup>(71)</sup>. Tiếp 389 lượt người dân đến khiếu nại, tố cáo với 389 vụ việc; nhận 392 đơn; giải quyết 151/306 đơn thuộc thẩm quyền, đạt 49,3% (*giải quyết đơn khiếu nại đạt 26,3%, đơn tố cáo đạt 40%, đơn yêu cầu đạt 57,6%, đơn phản ánh, kiến nghị đạt 47,4%, đơn tranh chấp đạt 47%*)<sup>(72)</sup>. Kết luận xác minh tài sản, thu nhập đối với 18 trường hợp; họp rút kinh nghiệm 08 cá nhân, kiểm điểm rút kinh nghiệm 10 cá nhân. Tổ chức 04 cuộc tập huấn công tác kê khai tài sản thu nhập tại các huyện.

## 9. Về quốc phòng, an ninh

Tổ chức diễn tập thử phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn<sup>(73)</sup>, phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh năm 2023<sup>(74)</sup> và diễn tập trong khu vực phòng thủ cấp xã; sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về “Chiến lược bảo vệ tổ quốc trên không gian mạng”. Tổng kết đợt tổng kiểm soát xe ô-tô kinh doanh vận tải hành khách, ô-tô vận tải hàng hóa bằng container (*từ 15/8/2023 – 15/10/2023*)<sup>(75)</sup>.

Xảy ra 40 vụ tội phạm về trật tự xã hội, 05 vụ tội phạm về kinh tế, 14 vụ tội phạm về ma túy, 03 vụ tai nạn giao thông (*06 trường hợp cán bộ, công chức viên chức vi phạm trật tự an toàn giao thông*), tổ chức tìm kiếm cứu nạn cứu hộ 03 vụ. Lũy kế từ đầu năm đến nay, xảy ra: 243 vụ phạm tội về trật tự xã hội (*nhiều hơn cùng kỳ 33 vụ*); 15 vụ tội phạm về kinh tế (*nhiều hơn cùng kỳ 04 vụ*); 112 vụ tội phạm về ma túy (*nhiều hơn cùng kỳ 20 vụ*); 39 vụ tai nạn giao thông, làm chết 36 người, 20 người bị thương (*so với cùng kỳ tăng 10 vụ, tăng 10 người chết, tăng 07*

<sup>69</sup> Tiếp nhận 32.482 hồ sơ, trong đó hồ sơ trực tuyến chiếm 44,2%; đến nay đã hỗ trợ 149.330 hộ sản xuất nông nghiệp mở tài khoản bán hàng trên sàn thương mại điện tử với hơn 1.259 loại sản phẩm được quảng bá, giới thiệu.

<sup>70</sup> Triển khai trong kỳ 03 cuộc.

<sup>71</sup> Lũy kế 10 tháng, triển khai 41 cuộc thanh tra, ban hành 22 kết luận, kiến nghị thu hồi số tiền 23.653 triệu đồng và 5.209,3m<sup>2</sup>. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đã tổ chức 264 cuộc và trên 1.993 lượt tuần tra kiểm tra đối với 533 tổ chức, 2.882 cá nhân; ban hành 159 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.702,9 triệu đồng.

<sup>72</sup> Lũy kế 10 tháng đã tiếp 3.805 lượt người với 3.774 vụ việc; tiếp nhận 2.067 đơn, thuộc thẩm quyền 1.669 đơn, đã giải quyết được 895/1.669 đơn thuộc thẩm quyền, đạt 53,6%

<sup>73</sup> Tại xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải

<sup>74</sup> Tổ chức tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, huy động khoảng 500 người ở 33 đơn vị và 57 xe ô tô các loại; riêng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH có 2 xe chỉ huy, 12 xe chữa cháy, 01 xe thang chữa cháy, 02 xe CNCH và 01 xe bồn chở nước

<sup>75</sup> Tổ chức 2.894 lượt tuần tra kiểm soát với 11.923 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia, qua đó phát hiện và xử lý 3.575 trường hợp vi phạm, phạt tiền 9,05 tỷ đồng và tước 798 giấy phép lái xe.

người bị thương); 05 vụ đuối nước (so với cùng kỳ tăng 05 vụ); 01 vụ cháy thiệt hại tài sản 120 triệu đồng (so với cùng kỳ giảm 02 vụ).

### III. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

- Lĩnh vực kinh tế: Sản xuất nông nghiệp còn nhiều khó khăn, mưa lớn gây ngập úng cục bộ một số diện tích lúa Thu Đông mới xuống giống và trong giai đoạn mạ; giá tôm nuôi các loại tăng nhẹ nhưng vẫn còn ở mức thấp, giá heo hơi giảm gần bằng với giá thành, dịch tả heo Châu Phi chưa được kiểm soát triệt để. Việc triển khai gói hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ đạt kết quả thấp và không có nhiều chuyển biến, nguyên nhân chủ yếu do nhiều hộ sản xuất, kinh doanh không có đăng ký hộ kinh doanh theo quy định, khách hàng đang có nợ quá hạn; một số dự án năng lượng tái tạo, cụm công nghiệp triển khai còn chậm.

- Lĩnh vực văn hóa – xã hội: Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh vẫn còn chậm, chưa đảm bảo tiến độ theo kế hoạch. Nguyên nhân là do đến tháng 8/2023, các Bộ, cơ quan trung ương mới cơ bản hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung khắc phục những vấn đề vướng mắc của địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; một số dự án được phân bổ vốn nhiều nhưng không có đối tượng hỗ trợ, hạn chế về nhiệm vụ chi dẫn đến không hiệu quả và khó đảm bảo tiến độ giải ngân vốn. Hỗ trợ BHYT cho người thuộc hộ nghèo mới thoát nghèo vượt chuẩn cận nghèo cuối năm 2022 theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh còn chậm, đối tượng trong danh sách được phê duyệt hỗ trợ giảm 2.742 người do không đủ điều kiện hỗ trợ<sup>76</sup>, nguyên nhân do các địa phương không loại trừ các đối tượng đã có thẻ BHYT do cá nhân tự mua và các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí mua BHYT, không xác định được các đối tượng đang lao động ngoài tỉnh đã được doanh nghiệp hỗ trợ mua BHYT.

- Lĩnh vực nội chính: Tai nạn giao thông trong tháng được kéo giảm so với tháng trước, nhưng lũy kế 10 tháng vẫn còn tăng cả 03 tiêu chí so với cùng kỳ năm 2022; tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, đơn phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền còn thấp.

### IV. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG 11/2023

Căn cứ Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023; trong tháng 11 cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tập trung đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách, đầu tư công năm 2023, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách và đầu tư công năm 2024; khẩn trương hoàn thiện các nội dung trình tại các kỳ họp cuối năm của HĐND tỉnh, đảm bảo yêu cầu, chất lượng, tiến độ. Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

<sup>76</sup> Đối tượng có thẻ BHYT còn hạn sử dụng trên 6 tháng; trùng với doanh nghiệp cấp.



2. Tập trung xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2023 - 2024 theo lịch thời vụ. Triển khai kế hoạch xuống giống cây màu vụ Đông Xuân năm 2024, nhất là các loại cây màu phục vụ Tết nguyên đán. Tăng cường giám sát tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi. Thường xuyên dự báo, kịp thời thông tin, khuyến cáo hộ nuôi diễn biến thời tiết, môi trường, độ mặn, dịch bệnh để có cách xử lý kịp thời đảm bảo vụ nuôi tôm năm 2023 đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Hoàn chỉnh hồ sơ trình Trung ương công nhận huyện Trà Cú đạt chuẩn nông thôn mới; huyện Cầu Kè, Tiểu Cần hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao. Sơ kết tình hình phát triển kinh tế tập thể, HTX 9 tháng đầu năm và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2023. Chuẩn bị các nội dung tổ chức kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Liên minh HTX tỉnh Trà Vinh (24/12/1993-24/12/2023). Triển khai kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025. Tiếp tục quan tâm, hỗ trợ cơ sở tham gia chương trình OCOP năm 2023; tổ chức họp Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023.

3. Tổ chức Hội chợ Xúc tiến Thương mại, sản phẩm Công nghiệp nông thôn và OCOP, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong khuôn khổ Tuần lễ Văn hóa, Du lịch - Liên hoan âm thực Nam bộ gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh năm 2023 vui tươi, an toàn, tiết kiệm. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng “Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam” năm 2024 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch tổ chức cuộc thi ảnh “Tôi yêu hàng Việt Nam” lần thứ III Chủ đề “Sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Trà Vinh” năm 2023. Ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư năm 2024; ban hành Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2024.

4. Theo dõi chặt chẽ tiến độ từng dự án đầu tư công, phấn đấu giải ngân 95% trở lên kế hoạch vốn được giao năm 2023. Rà soát các nguồn thu còn dư địa, còn tiềm năng để có biện pháp thu hợp lý đảm bảo đạt dự toán năm 2023. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các TCTD trên địa bàn, thực hiện nghiêm túc các quy định về lãi suất, an toàn kho quỹ. Tổ chức Hội nghị kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp năm 2023.

5. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 41 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2023); Xây dựng đề án sáp nhập Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh và Trung tâm giáo dục thường xuyên – Hướng nghiệp dạy nghề thành phố Trà Vinh thành Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Trà Vinh; Đề án thành lập trường Trung học phổ thông huyện Duyên Hải (trường THPT Sơn Cang).

6. Tiếp tục triển khai thực hiện 11 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ; đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Trà Vinh” cho dứa sáp tỉnh Trà Vinh. Chấm điểm vòng sơ khảo và chung khảo Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023.

7. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân thực hiện các biện pháp phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm trên người, nhất là dịch sốt xuất huyết, tay chân miệng, bệnh Viêm kết mạc mắt cấp do vi rút Adeno (*bệnh đau mắt đỏ*); đẩy

manh công tác tuyên truyền, vận động tham gia BHXH, BHYT. Hoàn thiện Đề án thành lập cơ sở khám chữa bệnh 100 giường tại Trung tâm Y tế thành phố Trà Vinh; Đề án thành lập Bệnh viện Phục hồi chức năng trực thuộc Sở Y tế với quy mô 300 giường bệnh.

8. Tiếp tục tổ chức các cuộc hội thảo, tư vấn phiên giao dịch việc làm; triển khai thực hiện kịp thời hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia. Theo dõi, triển khai có hiệu quả việc chi trả thí điểm chính sách trợ giúp xã hội và chính sách người có công với cách mạng qua tài khoản thẻ ATM. Thực hiện công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ. Tổ chức bàn giao 475 nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

9. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 93 năm Ngày truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc năm 2023. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các điểm sinh hoạt tôn giáo, giải quyết hài hòa các vụ việc tranh chấp đất đai trong tôn giáo. Tổ chức Ngày hội Gia đình tiêu biểu các tỉnh, thành phố miền Tây Nam bộ lần thứ IV năm 2023. Phối hợp với Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Du lịch thành phố Hồ Chí Minh xây dựng điểm du lịch nông nghiệp áp Cồn Ông, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải.

10. Hoàn thành hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất 05 năm thời kỳ 2021 - 2025 trình Bộ Tài Nguyên và Môi trường thẩm định. Tiếp tục thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện. Triển khai dự án đầu tư thiết bị 14 trạm quan trắc dự báo mặn và giám sát chất lượng nước tự động. Triển khai 13 mô hình phân loại, thu gom rác thải sinh hoạt tại 3 xã và 10 cơ sở thờ tự Phật giáo Nam tông Khmer; mô hình điểm tập kết (kho chứa) chất thải thủy tinh trên địa bàn huyện Trà Cú. Ban hành tiêu chí đánh giá, chấm điểm và xếp loại kết quả thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kiểm tra định kỳ việc chấp hành công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

11. Triển khai điền phiếu điều tra xã hội học qua email công vụ; tổng hợp kết quả khắc phục sau kiểm tra cải cách hành chính năm 2023 của các cơ quan, đơn vị. Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2024. Tổ chức tuyển dụng công chức, đánh giá phân loại công chức năm 2023. Tập trung giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo. Tăng cường công tác thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra. Công khai kết luận xác minh tài sản thu nhập đợt 2 và triển khai xác minh tài sản thu nhập đợt 3 năm 2023.

12. Tiếp tục thông tin, tuyên truyền bằng nhiều hình thức đối với Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

13. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp chặt chẽ, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội, đảm bảo an toàn giao thông. Chuẩn bị tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2024; tổ chức ngày hội “Tháng thanh niên với giao thông”, các hoạt động “Tết Quân – Dân” năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Vụ IV - VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT.TU; TTHĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- LĐ VP.UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV. 04

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Hản**

Phụ lục số 3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	U' TH tháng 10	U' TH 10 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
<b>A</b>	<b>GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN (GIÁ 2010)</b>	Tỷ đồng	26,151.724	33,864.000	3,046.926	29,208.920	86.25	111.69
	<i>(Có tính nhiệt điện)</i>							
	- Khai khoáng	Tỷ đồng	10.540	14.000	1.042	12.092	86.37	114.72
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	12,643.465	17,100.000	1,490.132	13,520.814	79.07	106.94
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.	Tỷ đồng	13,242.886	16,413.000	1,528.998	15,407.094	93.87	116.34
	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	254.834	337.000	26.754	268.921	79.80	105.53
	<b>Sản phẩm chủ yếu:</b>							
1	Thủy sản đông lạnh	Tấn	6,174	9,338	592	5,704	61.08	92.39
2	Đường kết	Tấn	8,192	7,000		6,886	98.38	84.06
3	Than hoạt tính	Tấn	5,908	6,000	444	5,149	85.82	87.15
4	Thuốc viên các loại	Tr.viên	1,060	1,832	84	1,087	59.34	102.59
5	Máy mặc (quần áo các loại)	1000chiếc	3,563	7,384	379	3,422	46.34	96.04
6	Thảm dệt các loại	1000m <sup>2</sup>	1,442	2,200	159	1,686	76.65	116.91
7	Nước sinh hoạt	1000m <sup>3</sup>	28,461	35,680	2,960	30,097	84.35	105.75
8	Gạo xay xát	Tấn	239,925	723,298	12,007	114,667	15.85	47.79
9	Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô	1000 bộ	9,473	12,466	1,034	10,242	82.16	108.12
10	Sản xuất túi xách các loại	1000cái	2,119	12,000	235	2,627	21.89	123.96
11	Giày thành phẩm	1000 đôi	4,480	7,500	398	4,494	59.92	100.31
12	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. Kwh	1,021	1,150	103	1,041	90.53	101.95
13	Sản lượng điện sản xuất	Tr. Kwh	9,691.8	12,616.6	1,422.6	13,003.8	103.07	134.17
	- Sản lượng nhiệt điện	Tr. Kwh	8,867.5	11,228.6	1,343.1	12,043.0	107.25	135.81
	- Sản lượng điện gió, điện mặt trời	Tr. Kwh	824.2	1,387.9	79.5	960.8	69.22	116.57
<b>B</b>	<b>TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH</b>	%	99.42	99.60		99.60	100.00	100.18
	Phát triển hộ sử dụng điện	Hộ	4,634	1,000	266	2,065	206.50	44.56
<b>C</b>	<b>TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ</b>	Tỷ đồng	38,674.15	52,465.00	4,789.16	46,693.79	89.00	120.74
	- Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	26,337.35	35,931.00	3,433.59	32,206.19	89.63	122.28
	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	6,880.03	9,533.00	749.74	8,027.01	84.20	116.67
	- Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	19.39	21.00	3.36	39.64	188.77	204.44
	- Dịch vụ khác	Tỷ đồng	5,437.37	6,980.00	602.47	6,420.95	91.99	118.09

Phụ lục số 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

T	T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
					Kế hoạch	ƯTH tháng 10	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/10	Kế hoạch	Cùng kỳ
<b>A</b>		<b>NÔNG NGHIỆP</b>							
		Diện tích gieo trồng hàng năm	Ha	247,218	254,014	38,833	251,606	99.05	101.78
		* Cây lương thực có hạt							
		- Diện tích gieo trồng	ha	202,535	205,129	36,653	206,487	100.66	101.95
		- Diện tích thu hoạch	ha	137,085	205,129	5,904	134,290	65.47	97.96
		- Sản lượng	Tấn	760,326	1,113,848	30,762	753,635	67.66	99.12
<b>1</b>		<b>Lúa cả năm</b>							
		- Diện tích gieo sạ	Ha	199,101	201,429	36,398	203,144	100.85	102.03
		- Diện tích thu hoạch	Ha	134,367	201,429	5,892	131,590	65.33	97.93
		- Năng suất	Tấn/ha	5.55	5.43	5.21	5.61	103.28	101.05
		- Sản lượng	Tấn	745,409	1,093,313	30,695	737,671	67.47	98.96
<b>a</b>		<b>Lúa mùa</b>							
		- DT gieo sạ	Ha	1,090	1,142		1,142	99.97	104.79
		- Diện tích thu hoạch	Ha	1,090	1,142		1,142	99.97	104.79
		- Năng suất	Tấn/ha	4.78	4.42		4.42	100.03	92.53
		- Sản lượng	Tấn	5,206	5,048		5,048	100.00	96.97
<b>b</b>		<b>Vụ Đông Xuân</b>							
		- Diện tích xuống giống	Ha	63,326	62,059		62,059	100.00	98.00
		- Diện tích thu hoạch	Ha	63,311	62,059		62,059	100.00	98.02
		- Năng suất	Tấn/ha	6.50	6.11		6.11	100.00	93.99
		- Sản lượng	Tấn	411,482	379,085		379,085	100.00	92.13
<b>c</b>		<b>Lúa Hè thu</b>							
		- Diện tích gieo sạ	Ha	69,967	69,970		68,409	97.77	97.77
		- Diện tích thu hoạch	Ha	69,967	69,970	5,892	68,390	97.74	97.75
		- Năng suất	Tấn/ha	4.70	5.10	5.21	5.17	101.37	110.03
		- Sản lượng	Tấn	328,721	356,816	30,695	353,538	99.08	107.55
<b>d</b>		<b>Lúa Thu đông</b>							
		- Diện tích gieo sạ	Ha	64,719	68,258	36,398	71,534	104.80	110.53
		- Diện tích thu hoạch	Ha		68,258			-	
		- Năng suất	Tấn/ha		5.16			-	
		- Sản lượng	Tấn		352,364			-	
<b>2</b>		<b>Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm</b>							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	48,117	52,585	2,435	48,462	92.16	100.72
		- Diện tích thu hoạch	Ha	40,378	52,585	1,858	39,205	74.56	97.09
		- Năng suất bình quân	tấn/ha	24.82	26.61	25.77	26.49	99.56	106.74
		- Sản lượng	Tấn	1,002,155	1,399,152	47,877	1,038,578	74.23	103.63
<b>a</b>		<b>Màu lương thực</b>							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	5,617	5,970	348	5,430	90.96	96.67
		- Diện tích thu hoạch	Ha	4,126	5,970	40	4,079	68.33	98.87
		- Năng suất bình quân	tấn/ha	9.31	10.12	13.31	9.94	98.20	106.76
		- Sản lượng	Tấn	38,407	60,417	533	40,538	67.10	105.55
		Trong đó:							
		+ Bắp:							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	3,434	3,700	255	3,343	90.36	97.35
		- Diện tích thu hoạch	Ha	2,717	3,700	12	2,699	72.96	99.35
		- Năng suất	Tấn/ha	5.49	5.55	5.39	5.91	106.56	107.72
		- Sản lượng	Tấn	14,917	20,535	67	15,964	77.74	107.02
		+ Khoai lang							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	1,211	1,300	80	1,212	93.26	100.12

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 10	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/10	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Diện tích thu hoạch	Ha	797	1,300	8	820	63.11	102.91
	- Năng suất	Tấn/ha	17.14	16.89	17.41	17.45	103.33	101.83
	- Sản lượng	Tấn	13,666	21,957	147	14,320	65.22	104.79
	+ <i>Khoai mì</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	607	570	7	552	96.81	90.91
	- Diện tích thu hoạch	Ha	383	570	8	356	62.42	92.99
	- Năng suất	Tấn/ha	16.32	19.21	16.45	18.68	97.24	114.46
	- Sản lượng	Tấn	6,245	10,950	128	6,646	60.70	106.43
	+ <i>Cây có củ khác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	365	400	6	323	80.68	88.34
	- Diện tích thu hoạch	Ha	229	400	11	203	50.84	88.91
	- Năng suất	Tấn/ha	15.65	17.44	16.74	17.74	101.73	113.35
	- Sản lượng	Tấn	3,580	6,975	190	3,608	51.72	100.78
<b>b</b>	<b>Màu thực phẩm</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	29,690	32,575	1,463	28,363	87.07	95.53
	- Diện tích thu hoạch	Ha	25,857	32,575	1,596	23,787	73.02	91.99
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	22.53	22.31	22.58	22.49	100.80	99.83
	- Sản lượng	Tấn	582,514	726,781	36,036	534,949	73.61	91.83
	Trong đó:							
	+ <i>Rau màu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	29,229	32,100	1,460	27,891	86.89	95.42
	- Diện tích thu hoạch	Ha	25,458	32,100	1,587	23,451	73.06	92.12
	- Năng suất	Tấn/ha	22.85	22.61	22.69	22.78	100.75	99.69
	- Sản lượng	Tấn	581,723	725,781	36,019	534,224	73.61	91.83
	+ <i>Đậu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	461	475	3	472	99.37	102.37
	- Diện tích thu hoạch	Ha	399	475	8	335	70.58	84.13
	- Năng suất	Tấn/ha	1.99	2.11	2.03	2.16	102.72	108.83
	- Sản lượng	Tấn	792	1,000	17	725	72.50	91.56
<b>c</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	12,809	14,040	624	14,669	104.48	114.52
	- Diện tích thu hoạch	Ha	10,395	14,040	222	11,339	80.76	109.08
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	36.67	43.59	50.93	40.84	93.70	111.36
	- Sản lượng	Tấn	381,234	611,954	11,308	463,091	75.67	121.47
	Trong đó:							
	+ <i>Mía cây</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,304	1,300	9	1,411	108.52	108.17
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,034	1,300	25	1,232	94.80	119.17
	- Năng suất	Tấn/ha	95.62	97.82	96.97	99.63	101.85	104.19
	- Sản lượng	Tấn	98,892	127,166	2,467	122,788	96.56	124.16
	+ <i>Đậu phộng</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4,098	4,420	10	4,202	95.07	102.53
	- Diện tích thu hoạch	Ha	3,753	4,420	45	3,678	83.22	98.01
	- Năng suất	Tấn/ha	5.28	5.24	5.39	5.40	103.00	102.22
	- Sản lượng	Tấn	19,814	23,161	243	19,851	85.71	100.19
	+ <i>Cây lác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,309	2,570	13	2,329	90.63	100.85
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,734	2,570	28	1,733	67.45	99.97
	- Năng suất	Tấn/ha	11.75	11.82	10.73	11.33	95.86	96.43
	- Sản lượng	Tấn	20,374	30,377	306	19,640	64.66	96.40
	+ <i>Cây khác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	5,097	5,750	592	6,727	117.00	131.98

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 10	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/10	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Diện tích thu hoạch	Ha	3,874	5,750	123	4,695	81.65	121.18
	- Năng suất	Tấn/ha	62.50	75.00	67.42	64.07	85.43	102.51
	- Sản lượng	Tấn	242,153	431,250	8,293	300,812	69.75	124.22
<b>B</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	79	50		36	72.00	45.57
	- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha	310	116		116	100.00	37.42
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	3,435	3,490		3,490	100.00	101.60
<b>C</b>	<b>THỦY - HẢI SẢN:</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng sản lượng</b>	<b>Tấn</b>	<b>188,151</b>	<b>244,550</b>	<b>18,656</b>	<b>211,232</b>	<b>86.38</b>	<b>112.27</b>
	Trong đó : - Tôm các loại	"	78,640	97,050	5,871	89,873	92.60	114.28
	- Sản lượng Khai thác	Tấn	40,341	64,350	5,347	44,180	68.66	109.52
	+ Khai thác hải sản (mặn, lợ)	Tấn	34,700	57,500	4,912	37,956	66.01	109.38
	Trong đó: - Tôm các loại	"	3,178	5,500	410	3,418	62.15	107.54
	- Cá các loại	"	19,975	29,500	2,307	22,256	75.44	111.42
	- Hải sản khác	"	11,547	22,500	2,195	12,282	54.59	106.36
	+ Khai thác nội đồng (nước ngọt)	Tấn	5,641	6,850	435	6,224	90.86	110.34
	Trong đó: - Tôm các loại	"	641	550	89	669	121.64	104.35
	- Cá các loại	"	1,466	1,800	114	2,065	114.72	140.89
	- Thủy sản khác	"	3,534	4,500	232	3,490	77.56	98.76
	- Sản lượng Nuôi trồng thủy sản	Tấn	147,810	180,200	13,309	167,052	92.70	113.02
	Trong đó: + Vùng mặn lợ	"	81,326	98,000	6,329	95,109	97.05	116.95
	- Tôm sú	"	11,950	13,300	640	12,600	94.73	105.44
	- Tôm thẻ chân trắng	"	61,145	75,500	4,593	71,104	94.18	116.29
	- Cua biển	"	5,144	6,200	747	5,572	89.87	108.33
	- Thủy sản khác	"	3,087	3,000	350	5,833	194.44	188.96
	+ Vùng nước ngọt	"	66,484	82,200	6,980	71,942	87.52	108.21
	- Tôm càng xanh	"	1,726	2,200	140	2,082	94.62	120.60
	- Cá lóc	"	45,903	55,500	4,853	49,831	89.79	108.56
	- Cá tra, cá ba sa	"	8,543	7,000	676	11,447	163.53	133.99
	- Cá các loại	"	10,312	17,500	1,311	8,582	49.04	83.22
<b>2</b>	<b>Diện tích nuôi trồng thủy sản</b>	<b>Ha</b>	<b>57,474</b>	<b>52,100</b>	<b>1,460</b>	<b>58,782</b>	<b>112.82</b>	<b>102.28</b>
	- Diện tích nuôi mặn, lợ	Ha	53,339	48,600	1,057	54,293	111.71	101.79
	Trong đó: - Nuôi tôm sú	"	22,616	19,500	426	24,060	105.24	106.39
	- Tôm thẻ chân trắng	"	7,818	8,300	250	7,072	89.53	90.46
	- Nuôi cua biển	"	22,355	20,000	380	22,626	97.28	101.21
	- Thủy sản khác	"	550	800	2	534	121.64	97.12
	- Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	4,135	3,500	403	4,489	128.25	108.56



**Phụ lục 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 10	ƯTH 10 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
<b>1</b>	<b>Tổng thu ngân sách</b>	Tỷ đồng	<b>10,610.257</b>	<b>12,886.418</b>	<b>692.694</b>	<b>#####</b>	<b>101.34</b>	<b>123.08</b>
	<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>4,418.800</i>	<i>5,701.000</i>	<i>320.860</i>	<i>4,771.965</i>	<i>83.70</i>	<i>107.99</i>
<b>2</b>	<b>Tổng chi ngân sách</b>	Tỷ đồng	<b>6,943.604</b>	<b>11,816.666</b>	<b>690.874</b>	<b>7,069.734</b>	<b>59.83</b>	<b>101.82</b>
<b>3</b>	<b>Số dự án đầu tư đăng ký mới<sup>(1)</sup></b>	<b>Dự án</b>	<b>6</b>		<b>1</b>	<b>10</b>		<b>166.67</b>
	- Số dự án trong nước	Dự án	5		1	9		180.00
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	12,821.10		44.93	930.61		7.26
	- Số dự án FDI	Dự án	1	5	0	1		100.00
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD	3.00	70	0.00	2.50		83.33
<b>4</b>	<b>Phát triển doanh nghiệp<sup>(2)</sup></b>							
	- Thành lập mới							
	+ Số doanh nghiệp	DN	418	<b>520</b>	33	461	88.65	110.29
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		255		22	277		108.63
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	5,313.0		71.00	4,480.0		84.32
	- Đăng ký bổ sung							
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	974		75	690		70.84



T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 10	ƯTH 10 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	4,464		390	5,637		126.28
	- Giải thể	DN	118		8	95		80.51

(1) Đến nay toàn tỉnh có 378 dự án còn hiệu lực, trong đó có 38 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 2,99 tỷ USD và 339 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 163,81 nghìn tỷ đồng.

(2) Đến nay có 4.584 doanh nghiệp, vốn 64.373 tỷ đồng, 92.529 lao động (hiện có 2.877 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 54.602 tỷ đồng, 68.474 lao động) trong đó có 44 doanh nghiệp FDI.